

ỦY TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Ông **Nhâm Đức Hùng**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Lâm Thị B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Lâm Thị B có mặt tại phiên tòa).

2. **Bị đơn:** Anh **Lê E**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Lê E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2022, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị B trình bày:

Chị Lâm Thị B và chồng là anh Lê E có tổ chức đám cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CT, tỉnh K ngày 22/02/2011.

Qua thời gian chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 02 người con chung tên Lê Trí B, sinh ngày 23/08/2010 và Lê Trí Đ, sinh ngày 31/07/2017. Về tài sản

chung: trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung; về nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: trong quá trình chung sống những năm đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2022, chị B và anh E đi làm việc tại Bình Dương thì vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và do anh E không quan tâm, không chăm lo cuộc sống gia đình, bỏ mặc chị B một mình làm lụng vất vả để lo nuôi con, anh E thường xuyên tụ tập ăn nhậu bê tha. Từ ngày Tòa án mời hòa giải (ngày 08/02/2023) đến nay thì anh E không có chủ động đến gặp chị B để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó chị B khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê E;
- Về con chung: Yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Trí B, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Lê Trí Đ, sinh ngày 31/7/2017, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con vì tôi đủ điều kiện nuôi con;
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Lê E trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2023:

Vào năm 2011, anh Lê E cùng vợ anh là chị Lâm Thị B cưới nhau, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 22/02/2011.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 02 người con chung tên Lê Trí B, sinh ngày 23/08/2010 và Lê Trí Đ, sinh ngày 31/07/2017. Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Trong thời gian chung sống anh E và chị B thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do anh E có uống rượu không kiềm chế được bản thân nên có dùng những lời lẽ tổn thương chị B. Lần cãi nhau gần đây nhất là vào khoảng tháng 6 - tháng 7 năm 2022 do anh E uống say rồi chửi, đuổi chị B đi, khi đó anh chị đang đi làm ở Bình Dương và sống tại nhà trọ ở Bình Dương. Sau đó chị B bỏ về sống cùng với ba mẹ của chị ở ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh K cho đến nay, còn anh E ở lại nhà trọ ở Bình Dương. Do đó anh Lê E và chị Lâm Thị B đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 6 - tháng 7 năm 2022 đến nay và 02 con chung đang sống cùng chị B khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị B vì anh còn thương vợ con, anh sẽ cố gắng khắc phục sửa sai;
- Về con chung: Thống nhất giao 02 con chung là cháu Lê Trí B, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Lê Trí Đ, sinh ngày 31/7/2017 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, anh E không cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên là cháu Lê Trí B đề ngày 03/01/2023: Cháu Lê Trí B có nguyện vọng được mẹ là chị Lâm Thị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị B, cho chị Lâm Thị B ly hôn với anh Lê E theo. Về con chung: Giao 02 con chung cháu Lê Trí Đăng, sinh ngày 31/7/2017 và cháu Lê Trí Bình, sinh ngày 23/8/2010 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị B tự nguyện không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: chị Lâm Thị B và anh Lê E xác định trong quá trình chung sống với anh Lê E thì vợ chồng chị không có không có tài sản chung và cam kết là không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 21/12/2022, chị Lâm Thị B có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê E, đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn anh Lê E có địa chỉ cư trú tại

ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh K nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh Lê E vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị B và anh Lê E xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2011 và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CT, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị B và anh E là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị B yêu cầu ly hôn với anh Lê E: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Lâm Thị B và anh Lê E đều xác nhận sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó vì hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng anh chị phải lên Bình Dương để làm công nhân nhưng đi làm được một thời gian thì thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do anh E không quan tâm và không lo cuộc sống gia đình, bỏ mặc chị B một mình làm lụng vất vả để lo nuôi con, anh E thường xuyên tụ tập ăn nhậu bê tha. Đến khoảng tháng 6 - tháng 7 năm 2022 thì anh E có uống say và đuổi chị B về quê, như vậy trên thực tế anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 6 - tháng 7 năm 2022 cho đến nay và từ ngày Tòa án hòa giải đến ngày mở phiên tòa xét xử thì anh E không chủ động gặp chị B để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, tại phiên tòa chị Lâm Thị B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Lê E nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc xin ly hôn với anh E là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh E cùng xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh E có 02 con chung là cháu Lê Trí Đ, sinh ngày 31/7/2017 và cháu Lê Trí B, sinh ngày 23/8/2010 đang sống cùng chị B, chị B yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con. Anh E cũng đồng ý giao 02 cháu Đ, cháu B cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng (tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2023) và không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi ly thân với anh E (từ khoảng tháng 6 - tháng 7 năm 2022) cho đến nay chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đăng và cháu Bình, đồng thời cháu Bình cũng có nguyện vọng được chị B chăm sóc, nuôi

dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ và cháu B cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và cũng phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Lê E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lâm Thị B tự nguyện không yêu cầu anh Lê E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị B và anh E đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị B và anh E đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị B về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Lê E.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lâm Thị B là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh Lê E không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và các Điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị B về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Lê E.

1. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị B được ly hôn với anh Lê E.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Lê Trí B, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Lê Trí Đ, sinh ngày 31/7/2017 cho chị Lâm Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo

nguyện vọng của cháu B) và chị B tự nguyện không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị B và anh Lê E đều xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lâm Thị B và anh Lê E đều cam kết là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lâm Thị B phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005249 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị B không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh